TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **19**/2018/DS-ST
Ngày: 28/02/2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trương Thanh Giảng**

2. Ông **Lê Tú Trinh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Hứa Quốc Cường**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2017/TLST-DS, ngày 29 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐST-DS, ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Hồng A**- sinh năm: 1962 (có mặt)
Địa chỉ: khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.
- Bị đơn: Ông **Tôn N**, sinh năm: 1965 (vắng)
Địa chỉ: khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà **Mai Loan P**, sinh năm: 1963 (vắng)
Địa chỉ: khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.
2. Bà **Trương Thị Phượng**, sinh năm: 1962 (vắng)
Địa chỉ: khu phố K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện bà Đinh Thị Hồng A trình bày: Giữa nguyên đơn với chổ ông Tôn N là chổ quen biết làm ăn qua lại, năm 2014 vợ chồng N vay của bà A 400.000.000 đồng tiền gốc, lãi thỏa thuận 4%/tháng nhưng từ đầu năm 2015 vợ chồng

N trốn tránh không trả nợ gốc và lãi nên tại phiên tòa bà A yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng Tôn N phải thanh toán 219.140.000 đồng và lãi theo quy định tính từ ngày 31/5/2015 cho đến ngày xét xử vụ án.

* Các khoản vay cụ thể như sau:

- Ngày 18/7/2014 vay 150.000.000 đồng, trả lãi đến 12/8/2014 mức lãi 2%/tháng.
- Ngày 30/7/2014 vay 60.000.000 đồng, trả lãi đến 12/8/2014 mức lãi 2%/tháng.
- Ngày 30/8/2014 vay 50.000.000 đồng, trả lãi đến 12/9/2014, mức lãi 2%/tháng.
- Ngày 06/9/2014 vay 5.000.000 đồng, trả lãi đến 12/9/2014, mức lãi 2%/tháng.

Trừ đi 60.000.000 đồng đã trả ngày 12/8/2014.

* Các khoản vay sau đây không tính lãi:

- Tiền mua bạc đạn và phốt cối bo 2.550.000 đồng.
- Tiền mua chữ thập cầu trước 590.000 đồng
- Tiền mượn đóng dời trụ điện 11.000.000 đồng

Theo biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2017, bị đơn ông Tôn N trình bày: Vợ chồng ông có vay tiền của bà A, tuy nhiên chỉ vay 262.000.000 đồng, lãi chưa thanh toán từ tháng 10/2014, lãi 4%/tháng. Ông N không đồng ý khoản tiền 100.000.000 đồng chuyển từ bà P sang vì khoản tiền này vợ chồng ông không mượn của bà A.

Bà Trương Thị P được Tòa án triệu tập hai lần nhưng không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với khoản tiền 100.000.000 đồng chuyển từ bà P qua; 36.000.000 đồng là tiền lãi bà tự tính; không yêu cầu đối việc thế chấp hồ sơ khoán rừng và đất rừng phòng hộ đặc dụng Kiên- Hà- Hải số 43/KL/HSK do bà Mai Loan P đứng tên chủ hộ.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên toà là đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Xác định quan hệ pháp luật là đúng; Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông N thanh toán số tiền 219.140.000 đồng và lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang. Bà Mai Loan P và ông Tôn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; bà Trương Thị P có đơn xin vắng mặt. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông Tôn N ký hợp đồng vay tiền và giấy ghi nợ nhưng do ông N không trả nợ như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án, vì vậy đây là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" và cần áp dụng quy định Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu của bà A yêu cầu bà P, ông N trả số tiền vay còn nợ trên cơ sở giấy nhận nợ, hội đồng xét xử chấp nhận các khoản hợp lý như sau:

- 150.000.000 đồng vay ngày 18/7/2014.

- 60.000.000 đồng vay ngày 30/7/2014.

- 50.000.000 đồng vay ngày 30/8/2014

- 5.000.000 đồng vay ngày 06/9/2014.

Trừ đi 60.000.000 đồng đã trả ngày 12/8/2014.

* Các khoản vay không tính lãi:

- Tiền mua bạc đạn và phốt cối bo 2.550.000 đồng.

- Tiền mua chữ thập cầu trước 590.000 đồng

- Tiền mượn đóng dời trụ điện 11.000.000 đồng

Tổng cộng 219.140.000 đồng. Do đó buộc vợ chồng Tôn N và Mai Loan P trả cho nguyên đơn số tiền trên là phù hợp với quy định Điều 471 Bộ luật dân sự 2005.

Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định*: "Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tiền cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định"*.

Đối với khoản tiền 100.000.000 đồng chuyển từ bà P qua tuy nhiên tại phiên tòa bà A rút yêu cầu này nên hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với khoản lãi bà A tự tính lãi từ tháng 10/2014 đến tháng 03/2015 là 36.000.000 đồng, mức lãi 2% trên tổng nợ gốc bà A cũng không yêu cầu phần này vì đã yêu cầu hội đồng xét xử điều chỉnh lại lãi nên hội đồng xét xử không xem xét.

Xét yêu cầu tính lãi của bà A thấy rằng có việc thỏa thuận tính lãi và ông Tôn N cũng thừa nhận việc này thể hiện trong biên bản lấy lời khai nên hội đồng xét xử tính lãi cho phù hợp với quy định. Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi cơ bản nên số tiền lãi tính từ ngày 31/5/2015 đến ngày 28/02/2018 là 33 tháng, cụ thể được tính như sau: (150.000.000đ + 50.000.000đ + 5.000.000 đ)= 205.000.000 đ x 33 tháng x 1,125%/tháng = 76.106.250 đồng.

Tuy nhiên bà A thừa nhận đã nhận tiền lãi của ông N các khoản như sau:

2%/tháng của 150.000.000 đồng x 24 ngày = 2.400.000 đồng

2%/tháng 60.000.000 đồng x 12 ngày = 480.000 đồng

2%/tháng x 50.000.000 đồng x 13 ngày = 433.000 đồng

2%/tháng x 5.000.000 đồng x 6 ngày = 43.300 đồng.

Tổng cộng ông Nhiều đã đóng lãi cho bà Ánh là 3.356.300 đồng.

Như vậy buộc ông N bà P có nghĩa vụ trả cho bà A cả gốc và lãi là 219.140.000 đồng + 76.106.250 đồng – 3.356.300 đồng = 291.889.950 đồng.

[4] Đối với hồ sơ khoán rừng và đất rừng phòng hộ đặc dụng Kiên- Hà- Hải số 43/KL/HSK do bà Mai Loan P đứng tên chủ hộ được giao đất rừng mà bà A cho rằng đây là tài sản thế chấp khi cho vợ chồng ông N vay tiền, theo biên bản đối chất ngày 16/10/2017 bà A khai "*khi vợ chồng ông N vay thêm khoản tiền 50.000.000 đồng ngày 30/8/2014 thì có thế chấp sổ xanh này cho tôi để bảo lãnh khoản vay 200.000.000 đồng*" nhưng trong đơn khởi kiện bà A không có yêu cầu gì đối với hợp đồng thế chấp này, mặc khác tài sản này đang bị Chi cục thi hành án dân sự huyện K kê biên. Tại phiên tòa bà A không yêu cầu xem xét đối với việc thế chấp này, bà A sẽ liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nếu bà A cho rằng quyền lợi bị ảnh hưởng sẽ kiện thành vụ kiện khác nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí trên số tiền bị buộc trả 291.889.950 đồng x 5% = 14.594.497 đồng.

Nguyên đơn được nhận lại án phí tạm nộp 10.034.560 đồng.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

1. Tuyên xử: Buộc bà Mai Loan P và ông Tôn N trả cho bà Đinh Thị Hồng Asố tiền 291.889.950 đ (Hai trăm chín mươi mốt triệu tám trăm tám mươi chín ngàn chín trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. <u>Về án phí</u> : Căn cứ các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Mai Loan P và ông Tôn N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 14.594.497 đồng.

Bà Đinh Thị Hồng A được nhận lại án phí tạm nộp 10.034.560 đồng theo biên lai thu số 0001581 ngày 29/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Báo cho những người có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/02/2018). Những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Thi Hành án Dân sự huyện K ;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Tuyết Minh